TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG** Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST Ngày: 06-5-2026 *"V/v Ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Toàn

Ông Nguyễn Phạm Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, phường H, Tp Đà Nẵng. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thanh H – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư T2. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, phường H, Tp Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Trần Thị Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cũ. Trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Y và ông X có xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông X nhiều lần đánh đập, lừa dối bà Y trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông X

ham mê ăn chơi, bỏ bê không chăm sóc gia đình con cái. Bà Y đã nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ ông X để tìm hướng giải quyết những mâu thuẫn của vợ chồng, để cùng nhau xây dựng gia đình nhưng ông X không hợp tác, không có ý định xây dựng cuộc sống hôn nhân lâu dài. Hiện nay, bà Trần Thị Y không còn tình cảm gì với ông X, mặc dù bà Y và ông X vẫn sống chung nhưng phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Y và ông X có 04 con chung tên là Trần Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1997, Trần Thị Lệ T, sinh ngày 20/01/1998, Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 18/02/2001 và Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 16/10/2005. Trước đây trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án do thiếu hiểu biết pháp luật và suy nghĩ chủ quan của cá nhân về việc các cháu Trần Thị Kim L, Trần Thị Lệ T, Trần Thị Thanh T1 sinh ra trong thời gian bà Y và ông X sống chung nhưng chưa đăng ký kết hôn, giấy khai sinh đều mang họ "Trần" của bà Trần Thị Y nên đã không trình bày trong đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án dẫn đến thông tin về con chung bị sai lệch. Tuy nhiên do các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Y xác định không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh X đã được Toà án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến hay gửi văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại Bản luận cứ bảo vệ ngày 06/5/2026 của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Thanh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn số 26, ngày 13/3/2017 tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cũ. Trong quá trình chung sống giữa bà Y và ông X xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Y và ông X đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

- Về con chung: Giữa bà Trần Thị Y và ông X có 04 con chung tên là Trần Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1997, Trần Thị Lệ T, sinh ngày 20/01/1998, Trần Thị

Thanh T1, sinh ngày 18/02/2001 và Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 16/10/2005. Các con chung đã trên 18 tuổi nên bà Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Y xác định không có.

Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý đến tại thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các thủ tục theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tụng dân sự.

- *Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn ông Nguyễn Thanh X có nơi cư trú tại thôn Đ, phường H, TP Đà Nẵng nên tranh chấp ly hôn giữa bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Thanh X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2]. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh X để tham gia phiên tòa nhưng ông X vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nguyên đơn bà Trần Thị Y, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơntheo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau từ năm 1994 và tự nguyện đăng ký kết hôn số 26, ngày 13/3/2017 tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cũ. Xét đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa bà Y và ông X có xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể tự giải quyết nên bà Y làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông X. Theo biên bản xác minh ngày 17/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng có xác nhận của chính quyền địa phương xác định: Giữa bà Y và ông X trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà Y và ông X giải quyết mâu thuẫn, có thể quay lại đoàn tụ, duy trì hạnh phúc gia đình nhưng ông X vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ ông X không có thiện chí níu kéo, hòa giải và mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Từ những tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn của bà Y và ông X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà Y được ly hôn với ông X là phù hợp với Điều 56 Luật nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Y và ông X có 04 con chung tên là Trần Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1997, Trần Thị Lệ T, sinh ngày 20/01/1998, Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 18/02/2001 và Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 16/10/2005. Các con chung đã trưởng thành nên bà Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Trần Thị Y xác định không có.

[2.5]. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Trần Thị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tại phiên tòa và ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại bản luận cứ phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[2.7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y về việc "Tranh chấp ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Thanh X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

2. Về con chung: 04 con chung là Trần Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1997, Trần Thị Lệ T, sinh ngày 20/01/1998, Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 18/02/2001 và Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 16/10/2005 đã trưởng thành nên nguyên đơn bà Trần Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Trần Thị Y phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000475 ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà Trần Thị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV4-Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS KV4-Đà Nẵng;*
- *UBND phường Hoà Khánh;*
(Số ĐKKH số 26, ngày 13/3/2017);
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**